

Bản án số: 132/2022/HS-PT

Ngày: 30/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơ.

Các Thẩm phán:

1. Ông Huỳnh Văn Ngoan;

2. Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Kiến Phi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 99/2022/TLPT-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Tăng Văn T cùng đồng phạm do có kháng cáo của bị hại Lê Phú S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2022/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đối với các bị cáo:

1. Tăng Văn T; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/6/2004 tại tỉnh Long An;

Nơi cư trú: Số 1177/24 Khu phố N, phường Tân K, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Cha Võ Văn V (chết); Mẹ Tăng Thị T, sinh năm 1984; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tuấn N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh năm 1978 tại Tiền Giang;

Nơi cư trú: Ấp Tân P, xã Tân H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Cha Nguyễn Văn N1 (chết); Mẹ Trần Thị G, sinh năm 1945; Vợ Trần Thị Bé T2, sinh năm 1986; Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ

nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Tăng Văn T: Ông Trần Xuân Hòa- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang.

Người bị hại có kháng cáo:

Ông Lê Phú S, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Ấp Tân H, xã Tân H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thị H, sinh 1975 (có mặt)

Nơi cư trú: A1207,T12 chung cư 328-330 Võ Văn K, P. Cô G, Q1, TPHCM.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư: Phạm Thị Nhân, đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh(có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 người làm chứng là chị Trần Thị L và chị Huỳnh Thanh H2

Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tăng Văn T, sinh ngày 27/6/2004, chưa đủ 18 tuổi, chưa có giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người lái xe mô tô 02 bánh có dung tích xi lanh từ 50 cm³ đến 175 cm³.

Khoảng 05 giờ ngày 10/12/2020 Tăng Văn T điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 66H6-1226 có dung tích xilanh 108 cm³ lưu thông trên đường Quốc lộ 1A hướng Trung Lương – Long An, khi đến Km 1955+600m đoạn thuộc ấp Tân H, xã Tân H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ, lưu thông không đúng làn đường quy định T để xe va chạm với ông Lê Phú S là người đi bộ qua đường theo hướng từ lề phải Quốc lộ 1A hướng Trung Lương – Long An đi qua dải phân cách. Hậu quả ông S bị thương và xe mô tô bị hư hỏng.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, phương tiện liên quan và các tài liệu thu thập được thì có đủ cơ sở xác định vùng va chạm giữa xe mô tô 66H6-1226 và người đi bộ nằm trên làn đường sát dải phân cách Quốc lộ 1A hướng Trung Lương – Long An, từ vùng va chạm kéo thẳng góc đến đầu vết cày xe mô tô 66H6-1226 là 1m, cách lề phải Quốc lộ 1A hướng Trung Lương – Long An là 8,25m.

Tại bản Kết luận pháp y về thương tích số 134 ngày 16/3/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang đối với thương tích của Lê Phú S, dấu hiệu chính

qua giám định: Xuất huyết trong bể cạnh cuống não phải, nứt sọ trán phải, gãy cung gò má và thành ngoài hốc mắt trái, gãy xương hàm dưới trái, gãy thành xoang hàm hai bên, gãy xương chày, xương mác trái, sẹo mô vai phải, sẹo mô trước gối trái, sẹo mô trong gối trái, sẹo mô 1/3 dưới trong cẳng chân, trật khớp cùng đòn phải, đang kết hợp xương. Kết luận: Tổng tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 68%.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2022/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Tăng Văn T phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn N phạm tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

* Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Tăng Văn T 03 (ba) năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/3/2022.

Giao bị cáo Tăng Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Tân K, thành phố Tân A, tỉnh Long An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo Tăng Văn T vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Về hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 264; Điều 36; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn N 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn N cho Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh Tiền Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo phải có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Tuấn N thay đổi nơi cư trú trong thời gian chấp hành án thì việc giám sát giáo dục bị cáo được thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Tuấn N.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 590, Điều 357 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Tăng Văn T, Nguyễn Tuấn N phải liên đới bồi thường cho ông Lê Phú S số tiền 116.600.000 (một trăm mười sáu triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thực hiện, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

* Ngày 21/3/2022, người bị hại Lê Phú S có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét về phần bồi thường và khung hình phạt đối với 02 bị cáo T và N.

Tại phiên tòa, bị cáo T và N thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung của bản án sơ thẩm đã xét xử. Đồng thời, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đại diện ủy quyền của người bị hại xin rút kháng cáo về phần tăng hình phạt. Giữ nguyên kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại, yêu cầu hai bị cáo bồi thường với số tiền 708.841.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định đơn kháng cáo của người bị hại nộp trong hạn nên được xem xét. Xét thấy, tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị hại rút một phần kháng cáo về hình phạt nên đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo này của bị hại. Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng mức bồi thường là không có căn cứ. Sau cùng Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo tăng mức bồi thường của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo T thống nhất với tội danh và mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xét xử. Tuy nhiên đại diện ủy quyền của bị hại rút kháng cáo về phần hình phạt nên không tranh luận về phần này. Đối với phần trách nhiệm dân sự: cấp sơ thẩm buộc các bị cáo liên đới bồi thường 116.600.000 đồng là có căn cứ và cấp sơ thẩm cũng đã tính tỷ lệ bồi thường do người bị hại cũng có lỗi là phù hợp đề nghị giữ nguyên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cho rằng mức bồi thường thiệt hại mà cấp sơ thẩm đã xử là chưa phù hợp, cụ thể như tiền tổn thất về tinh thần, cấp sơ thẩm tính mức lương cơ bản 1.490.000 đồng/ tháng là thấp, đề nghị tính mức lương tối thiểu vùng là 3.920.000 đồng/ tháng. Ngoài ra đề nghị buộc mẹ của bị cáo T cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường. Sau cùng

luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc tăng mức bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Vào khoảng 05 giờ ngày 10/12/2020, bị cáo Tăng Văn T không có giấy phép lái xe theo qui định, nhưng đã điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 66H6-1226 có dung tích xilanh 108 cm³ lưu thông trên đường Quốc lộ 1A hướng Trung Lương – Long An, khi đến Km 1955+600m đoạn thuộc ấp Tân H, xã Tân H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ, lưu thông không đúng làn đường quy định T để xe va chạm với ông Lê Phú S là người đi bộ qua đường theo hướng từ lề phải Quốc lộ 1A hướng Trung Lương – Long An đi qua dải phân cách. Bị cáo Nguyễn Tuấn N biết rõ bị cáo T chưa đủ 18 tuổi và chưa có giấy phép lái xe theo qui định nhưng bị cáo N vẫn giao xe mô tô biển số 66H6-1226 có dung tích xilanh 108 cm³ cho bị cáo T điều khiển dẫn đến tai nạn làm ông S bị thương với tỷ lệ thương tật 68%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Tăng Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và áp dụng điểm a khoản 2 điều 260 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Tuấn N phạm tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” và áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn và hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ. Khi tham gia giao thông bị cáo không chấp hành đúng luật giao thông đường bộ, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản và sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ.

Về ý thức chủ quan: Các bị cáo nhận thức được rằng, xe ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ, khi tham gia giao thông phải tuân thủ các qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, thế nhưng bị cáo T điều khiển xe mô tô khi không có giấy phép lái xe, không làm chủ tốc độ, đi không đúng phần đường qui định đã vi phạm khoản 23 Điều 8; khoản 1 Điều 9 ; khoản 1 Điều 60 Luật Giao thông đường bộ. Lỗi dẫn đến tai nạn là do bị cáo T trực tiếp gây ra. Đối với bị cáo N: Bị cáo biết rõ việc giao xe mô tô cho bị cáo T sử dụng khi T chưa đủ 18 tuổi, chưa có giấy phép lái xe là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn giao xe cho bị cáo T đi giao hàng, chứng tỏ các bị cáo có thái độ xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác, xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả xảy ra.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo T và bị cáo N không kháng cáo. Người bị hại ông Lê Phú S có đơn kháng cáo cho rằng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên là chưa nghiêm, yêu cầu xử phạt theo qui định và yêu cầu xem xét bồi thường thỏa đáng. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị hại rút một phần yêu cầu kháng cáo về hình phạt, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về tăng mức bồi thường thiệt hại. Xét thấy, tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bị hại rút kháng cáo về phần hình phạt, đây là sự tự nguyện và phù hợp với qui định của pháp luật nên hội đồng xét xử đình chỉ một phần kháng cáo của bị hại.

2/Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bị hại yêu cầu hai bị cáo bồi thường tổng cộng 708.841.000 đồng. Trong đó: Tiền thuốc, tiền xe đi lại 156.241.000 đồng, tiền thu nhập bị mất của bị hại 1.000.000 đồng/ ngày x 362 ngày = 362.000.000 đồng, tiền thu nhập bị mất của người nuôi bệnh 73.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 3.920.000 đồng/ tháng x 30 tháng = 117.600.000 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại, Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo đã có hành vi vi phạm dẫn đến gây thiệt hại về sức khỏe của ông S, nên ông S yêu cầu các bị cáo bồi thường là có căn cứ. Tuy nhiên, mức bồi thường mà ông S yêu cầu là cao so với thực tế, cụ thể như tiền mất thu nhập của ông và của người nuôi bệnh, trong khi đó ông S và người nuôi bệnh không có chứng cứ gì để chứng minh nguồn thu nhập của mình. Bên cạnh đó, phần tiền bồi thường tổn thất tinh thần ông S yêu cầu tính theo mức lương tối thiểu vùng là không phù hợp.

Cấp sơ thẩm chấp nhận các hóa đơn điều trị thương tích và chi phí cần thiết cho việc điều trị với số tiền là 156.241.000 đồng là có căn cứ. Đối với tiền mất thu nhập của người bệnh và người nuôi bệnh cấp sơ thẩm lấy mức thu nhập trung bình đối với lao động phổ thông 200.000 đồng/ ngày là thấp so với thực tế. Hội đồng xét xử phúc thẩm thiết nghĩ lấy mức 300.000 đồng/ ngày là phù hợp. Cụ thể: đối với ông S là 90 ngày x 300.000 đồng/ ngày = 27.000.000 đồng; đối với người nuôi bệnh 300.000 đồng/ ngày x 30 ngày = 9.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm không tính tiền xe đi lại của người bệnh và người nuôi là có thiếu sót. Ông S yêu cầu tiền xe của người bệnh là 7.000.000 đồng và tiền xe của người nuôi bệnh là 5.000.000 đồng. Xét thấy sau khi bị tai nạn ông S cũng cần phải có xe đưa đi cấp cứu để đi lại khám chữa bệnh là cần thiết. Hội đồng xét xử thiết nghĩ tiền xe đi lại khám chữa bệnh của ông S và người nuôi bệnh là 10.000.000 đồng là phù hợp. Đối với tiền tổn thất về tinh thần: Bị cáo T đã gây thương tích cho ông S với tỷ lệ là 68% đã ảnh hưởng phần nào đến tinh thần của ông S, cấp sơ thẩm chấp nhận 10 tháng lương tối thiểu là thấp so với tỷ lệ thương tật của ông

S. Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc các bị cáo bồi thường 20 tháng lương tối thiểu là phù hợp, cụ thể : $1.490.000 \text{ đồng/ tháng} \times 20 \text{ tháng} = 29.800.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền thiệt hại là $156.241.000 \text{ đồng} + 27.000.000 \text{ đồng} + 9.000.000 \text{ đồng} + 10.000.000 \text{ đồng} + 29.800.000 \text{ đồng} = 232.041.000 \text{ đồng}$.

Trong vụ án này bản thân ông S là người bị hại trong vụ án cũng có phần lỗi qua đường không đúng nơi qui định, đã bị Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính, nên ông cũng phải chịu một phần trách nhiệm tương ứng với 30% thiệt hại mà cấp sơ thẩm đã tính. Cụ thể: Tổng thiệt hại là 232.041.000 đồng, ông S phải chịu 30% trên tổng số thiệt hại là 69.612.000 đồng. Các bị cáo phải chịu liên đới bồi thường số tiền là 162.429.000 đồng, ông S đã nhận 20.000.000 đồng nên các bị cáo phải liên đới bồi thường tiếp số tiền 142.429.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị hại Lê Phú S, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát, lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

Xét lời bào chữa của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại cho rằng cần tính tiền tổn thất tinh thần theo mức lương tối thiểu vùng và cần buộc mẹ của bị cáo T liên đới bồi thường là không có cơ sở. Bởi lẽ, mức lương tối thiểu vùng chỉ tính cho người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo qui định của Bộ luật Lao động. Như vậy, thời điểm xảy ra tai nạn thì ông Lê Phú S làm lao động tự do nên không thể tính theo lương tối thiểu vùng được. Hơn nữa, khi xét xử phúc thẩm thì bị cáo T đã thành niên nên không thể buộc mẹ của bị cáo phải liên đới bồi thường cho người bị hại được.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ một phần kháng cáo của bị hại Lê Phú S về phần hình phạt.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị hại Lê Phú S (phần trách nhiệm dân sự)

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm 29/2022/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.1. Tuyên bố bị cáo Tăng Văn T phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn N phạm tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

* Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Tăng Văn T 03 (ba) năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/3/2022.

Giao bị cáo Tăng Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Tân K, thành phố Tân An, tỉnh Long An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo Tăng Văn T vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Về hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 264; Điều 36; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn N 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn N cho Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện C, tỉnh Tiền Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo phải có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Tuấn N thay đổi nơi cư trú trong thời gian chấp hành án thì việc giám sát giáo dục bị cáo được thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Tuấn N.

2.2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 590, Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Tăng Văn T, Nguyễn Tuấn N phải liên đới bồi thường cho ông Lê Phú S số tiền 142.429.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Lê Phú S có đơn yêu cầu thi hành án, các bị cáo chậm bồi

thường số tiền trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3. Về án phí: Bị hại Lê Phú S không phải chịu án phí HSPT.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Bị cáo;
- UBND phường Tân K;
- UBND xã Tân H;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thơ

